

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
Bản án số 64 /2022/HNGĐ-ST
Ngày 01 / 07 /2022
"V/v Ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

[1] Bà Lê Thị Thận;

[2] Ông Phạm Thành Đô;

Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Vinh - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Trong ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số 46/2022/ TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22 /2022/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 06 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Th T Tr; sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ : ấp 4, xã A X, TP. C M tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: anh Trần V L; sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ : Khu Đức lập, TT Đ P, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 25/10/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Th T Tr trình bày:

Tôi và anh Trần V L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND TT Đức Phong, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước số 36, ngày 23/8/2017, quá trình sống chung vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Linh hay ghen tuông vô cớ, thường xuyên chửi bới, đánh đập tôi nhiều lần, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 đến nay, nay tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì được hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết .

Bị đơn anh Trần V L vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai trình bày: Tôi và cô Nguyễn Th T Tr có sống chung và đăng ký kết hôn là đúng, vợ chồng chúng tôi sống ly thân là đúng nhưng không mâu thuẫn, nên không đồng ý ly hôn. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: chị Nguyễn Th T Tr có đăng ký kết hôn với anh Trần V L, nay chị Trình xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là “ Tranh chấp ly hôn”, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng chị Nguyễn Th T Tr và anh Trần V L tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Th T Tr và anh Trần V L là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, chị Nguyễn Th T Tr và anh Trần V L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn vợ chồng và đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không mang lại hạnh phúc gia đình.

Như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Nguyễn Th T Tr được ly hôn với anh Trần V L.

[4] Về con chung, về tài sản chung , nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Th T Tr nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Nguyễn Th T Tr được ly hôn với anh Trần V L.

[2] Về con chung, về tài sản chung , nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: chị Nguyễn Th T Tr nộp số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000312 ngày 28/02/2022 (đã nộp xong).

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đắc;
- Chi cục THADS H. Bù Đắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên